KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KIÊN GIANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 7 NĂM 2024

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/7/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
	TỔNG CỘNG (A+B)	**2.098.725**	**322.839**	**15,38%**	**10.767.636**	**2.267.477**	**21,06%**
A	**DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ**	**57.885**	**16.085**	**27,79%**	**741.364**	**231.482**	**31,22%**
I	**Tòa án nhân dân tối cao**	-	-	-	**60.000**	**39.970**	**66,62%**
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				60.000	39.970	66,62%
II	**Viện kiểm sát Nhân dân tối cao**	**1.284**	**1.284**	**100%**	**25.400**	**22.100**	**141,49%**
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.				23.000	20.883	90,80%
2	7918521 - XD trụ sở Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên	1.284	1.284	100%	2.400	1.217	50,69%
III	**Bộ Công An**	-	-	-	**30.000**	**13.484**	**44,95%**
1	081100001 - Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (03 nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Rạch giá, công an huyện Hòn Đất và công an huyện Tân Hiệp)				14.000	9.627	68,77%
2	081100007 - Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang				16.000	3.857	24,11%
IV	**Bộ Quốc phòng**	-	-	-	**138.675**	**63.884**	**46,07%**
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9				60.000	37.666	62,78%
2	120211101 - Nha nghiệp vụ đối ngoại HQ Vùng 5\BQP				29.010	13.038	44,94%
3	700468602 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 2)				2.000	134	6,72%
4	700468603 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 3)				17.665	11.007	62,31%
5	081100029 - Xây dựng 02 Đồn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Kiên Giang				30.000	2.039	6,80%
V	**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	-	-	-	**71.000**	**70.209**	**98,89%**
1	7923678 - Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				70.000	70.000	100,00%
2	DA thành phần số 5: Các công trình cấp nước TT nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc DACT trữ nước và HT cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,....				1.000	209	20,90%
VI	**Bộ Tư pháp**	-	-	-	**20.000**	**821**	**4,10%**
1	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20.000	821	4,10%
VII	**Bộ Tài chính**	**49.498**	**12.799**	**27,10%**	-	-	-

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	081100026 - Cải tạo, sửa chữa, nâng nền, mua sắm thiết bị nhà ăn Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang				1.692	1.089	64,34%
2	081100016 - Dự án Xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang				100.000	56.653	56,65%
3	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp do Bộ CHQS tỉnh quản lý	4	-	0,00%			
4	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	353	-	0,00%			
5	Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa doanh trại Đội Quy tập mộ liệt sĩ tại Campuchia (Đội K92)	14.998	4.692	31,29%			
I.3	**Công an tỉnh**	**-**	**-**	**-**	**17.269**	**8.826**	**51,11%**
1	081100018 - Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc Công an tỉnh Kiên Giang				5.000	3.053	61,05%
2	081100022 - Trụ sở làm việc công an các xã Tân An, Hòa An, Thạnh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc CA tỉnh Kiên Giang				9.000	4.701	52,23%
3	081100032 - Sửa chữa cải tạo, xây mới một số hạng mục công trình Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Kiên Lương thuộc công an tỉnh Kiên Giang				2.169	108	4,98%
4	081100033 - Trụ sở làm việc công an các xã Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thành, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Kiên Lương) thuộc công an tỉnh Kiên Giang				1.100	965	87,72%
I.4	**Sở giáo dục và đào tạo**	**153.528**	**2.285**	**1,49%**	**71.677**	**30.214**	**42,15%**
1	8020891 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao				2.201	2.201	100,00%
2	8014718 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên				4.800	2.385	49,69%
3	8038108 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	436	-	0,00%	1.200	762	63,46%
4	8037915 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng	1.128	1.128	100,00%	1.473	1.180	80,12%
5	8020890 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	1.156	1.156	100,00%	1.103	1.103	100,00%
6	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông				1.350	-	0,00%
7	7920317 - Trường Trung học phổ thông An Thới, PQ				21.500	8.346	38,82%
8	7920315 - Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành, huyện Châu Thành				5.400	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
9	Đầu tư xây dựng công trình Quốc Lộ 63 (thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				315	-	0,00%
10	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao N1-Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành-Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				248	-	0,00%
11	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch giá-Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch giá (ranh giới Rạch giá-Hòn Đất)				158	-	0,00%
12	Đầu tư xây dựng công trình Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh Thành Phố Rạch giá				183	-	0,00%
13	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang				370	-	0,00%
14	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61-đường 3/2)				165	-	0,00%
15	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường nối U Minh Thượng-An Minh-Vĩnh Thuận (QL 63-ĐT 965-hành lang ven biển phía nam-ĐT 968)				339	-	0,00%
16	Đầu tư xây dựng Công trình đường ven biển kết nối với cảng An Thới				500	-	0,00%
17	Đầu tư xây dựng công trình cầu trên đường ven biển kết nối từ An Biên-thành phố Rạch giá				1.510	155	10,28%
18	Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Rạch giá				496	486	98,03%
19	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT 965 (Công sự) sông Cái lớn (U Minh Thượng)				296	-	0,00%
20	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT 965C - Kết nối QL63				245	-	0,00%
21	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80-đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất				201	-	0,00%
I.6	**Sở văn hóa thể thao**	**5.278**	**38**	**0,72%**	**122.384**	**70.479**	**57,59%**
1	220230006 - Hỗ trợ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	26	-	0,00%			
2	220230012 - Dự án Chùa Láng Cát: hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	118	-	0,00%			
3	Dự án chùa Láng Cát: Hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	788	-	0,00%			
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	174	-	0,00%			
5	7787162 - Tượng Đài bác Hồ (Tại Phú Quốc)	-	-	0,00%	108.884	70.479	64,73%
6	7745211 - Cải tạo, SC Trung tâm VHTT tỉnh GĐ 2016-2020	3.900	-	0,00%	3.500	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
2	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khang hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn				62.492	2.881	4,61%
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang				600	446	74,27%
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc				400	156	38,99%
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng				1.400	1.251	89,39%
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao				700	635	90,77%
7	8022753 - Đầu tư mới Trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, công suất: 50m3/h				8.500	3.511	41,31%
8	Trạm cấp nước ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận				20.000	932	4,66%
9	8064513 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước nước xã Đông Thái				10.490	4.462	42,54%
10	8064512 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước nước xã Vĩnh Bình Bắc				10.000	4.333	43,33%
11	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	340	-	0,0%			
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	162	-	0,0%			
13	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao	162	-	0,0%			
14	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	455	-	0,0%			
15	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	57	-	0,0%			
16	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	93	-	0,0%			
17	8070119 - Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu XD nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và VSNT đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	3.755	901	24,01%			
18	8070118 - Trạm cấp nước Thới An, xã Thới Quản	14.302	5.597	39,14%			
I.10	**BQL ĐTXD chuyên ngành Giao thông vận tải**	**-**	**-**	**-**	**805.000**	**156.972**	**19,50%**
1	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng				31.000	7.398	23,87%
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188+700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km 204+300 (nút giao QL.N1, thành phố Hà Tiên)				100.000	799	0,80%
3	Đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch giá, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang				220.000	8.509	3,87%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
22	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục cải tạo, sửa chữa và mua sắm TB				3.000	789	26,29%
23	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường				141.443	-	0,00%
24	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng				158.180	20.045	12,67%
25	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành				178.500	6.050	3,39%
26	Dự án Bệnh viện sản nhi				55.000	1.642	2,99%
27	7130200 - Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang	67	-	0,00%		-	#DIV/0!
28	8009360 - Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện Giang Thành				5.000	5.000	100,00%
29	7576218 - ĐTXD Cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và hồ Hoa Mai	461	35	7,56%		-	#DIV/0!
30	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao				7.380	88	1,19%
31	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Hà Tiên				10.000	-	0,00%
32	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT Kiên Giang				7.000	588	8,40%
33	Trường THPT Thạnh Đông				8.000	143	1,78%
34	Trường THCS và THPT Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất				8.000	166	2,07%
35	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang				16.460	-	0,00%
36	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành				700	-	0,00%
37	Cải tạo, nâng cấp Đài phát thanh truyền hình và khắc phục sự cố công trình tại Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang				11.500	2.836	24,66%
38	Đầu tư xây dựng công trình tại Đài phát thanh và truyền hình tại Hòn Me				450	-	0,00%
39	Dự án Hội trường và phòng họp trực tuyến của văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	50.218	410	0,82%			
40	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận	69.428	170	0,24%			
41	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 13 trung tâm y tế tuyến huyện và Bệnh viện ung bướu tỉnh Kiên Giang	36.136	23.766	65,77%			
I.12	**Văn phòng tỉnh ủy**	**1.602**	**-**	**0,00%**	**48.444**	**8.276**	**17,08%**
1	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao				1.499	979	65,33%
2	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh				1.497	1.073	71,69%
3	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải				5.448	1.466	26,91%
4	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)				40.000	4.758	11,89%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	Dự án "phát triển hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện cho khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng" gồm: Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử và tiểu dự án Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích quốc gia)	183	-	0,00%			
I.22	**Sở Thông tin Truyền thông**	**47**	**-**	**0,00%**	**-**	**-**	**-**
1	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	47	-	0,00%			
I.23	**Sở Nội vụ**	**1.569**	**-**	**0,00%**	**-**	**-**	**-**
1	Cải tạo, mở rộng Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	1.569	-	0,00%			
I.24	**Sở Y Tế**	**14.542**	**641**	**0,00%**	**-**	**-**	**-**
1	7420502 - Bệnh viện đa khoa Kiên Giang (1020 giường)	14.542	641	4,41%			
II	**Huyện, thành phố quản lý**	**1.057.788**	**89.831**	**8,5%**	**4.612.400**	**1.301.433**	**28,22%**
1	Huyện Vĩnh Thuận	27.952	13.624	48,74%	275.492	85.492	31,03%
2	Huyện Hòn Đất	894	177	19,80%	265.410	66.429	25,03%
3	Huyện Gò Quao	17.058	3.157	24285,00%	263.164	81.424	30,94%
4	Huyện An Minh	24.285	5.489	22,60%	237.066	82.782	34,92%
5	Huyện Kiên Hải	4.377	144	3,29%	96.226	25.609	26,61%
6	Huyện An Biên	39.553	19.644	49,67%	225.501	60.195	26,69%
7	Huyện Châu Thành	207.427	29.403	14,17%	158.065	47.962	30,34%
8	Huyện Kiên Lương	144.315	3.153	2,18%	354.180	56.085	15,84%
9	Huyện Tân Hiệp	14.721	4.336	29,45%	98.562	40.664	41,26%
10	Thành phố Phú Quốc	109.516	-		313.642	111.992	35,71%
11	Huyện Giồng Riềng	4.932	3.733	75,68%	254.585	89.008	34,96%
12	Thành phố Hà Tiên	1.023	-		788.162	151.469	19,22%
13	Huyện U Minh Thượng	23.682	3.481	14,70%	103.834	40.157	38,67%
14	Thành phố Rạch Giá	433.834	2.252	0,52%	1.039.241	317.006	30,50%
15	Huyện Giang Thành	4.219	1.240	29,39%	139.270	45.160	32,43%
	NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW	**500.000**	**154.297**	**30,86%**	**-**	**-**	**-**
I	**Dự án do tỉnh quản lý**	**500.000**	**154.297**	**30,86%**	**-**	**-**	**-**
I.1	**Ban quản lý Nông nghiệp và PTNT**	**500.000**	**154.297**	**30,86%**	**-**	**-**	**-**
1	8072698 - Đầu tư xử lý sạt lở bờ biển huyện Hòn Đất (CBĐT)	250.000	77.180	30,87%			
2	8072699 - Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển đoạn Thứ Hai - Xẻo Bần thuộc An Biên - An Minh (CBĐT)	250.000	77.117	30,85%			